

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 04 - 8 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị H - sinh năm: 1979.

Địa chỉ: khóm T, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Anh T - sinh năm: 1977.

Địa chỉ (***ĐKTT***): số 576, ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ (***tạm trú***): khóm T, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T thông qua mai mối quen nhau khoảng nửa tháng thì tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2013 tại UBND xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống bên nhà anh T tại ấp Phú Thuận, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc được khoảng 06 năm. Sau đó, chị H, anh T trở về bên nhà của chị H (*tại khóm 3, Phường 3, TP Sa Đéc*) sinh sống; nhà do Dì của chị H cất cho vợ chồng ở. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu say về nhà anh T thường hay kiểm chuyện với chị H dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại và xô xát lẫn nhau; mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị H lo, anh T chỉ biết ăn nhậu với bạn bè. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là khoảng tháng 4/2020, anh T nhậu say về kiểm chuyện đuổi chị H và con ra khỏi nhà vào giữa đêm khuya.

Từ tháng 6/2020, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Nay chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn. Chị H yêu cầu ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên N - sinh ngày: 06/02/2013 và V - sinh ngày: 29/11/2015 (*hiện 02 con chung đang sống với chị H*). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị H tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống bên nhà anh T tại ấp Phú Thuận, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc. Vợ chồng sống được khoảng 06 năm mới về bên vợ sống (*nhà do Dì của chị H cất cho ở*). Quá trình chung sống hạnh phúc, khoảng vài tháng trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị H có quen với người đàn ông khác bên ngoài; vì khi anh T hỏi lý do vì sao ly hôn thì chị H trả lời ly hôn đi để chị H dẫn người đàn ông khác về nhà.

Ngoài ra, bản thân anh T thừa nhận do công việc của anh T là làm thợ hồ nên cuối tuần chỗ anh T làm có đãi nhậu, anh T có uống rượu về nhà chị H không thích nên dẫn đến vợ chồng cự cãi, xô xát lẫn nhau. Anh T xác định về tình cảm, anh T vẫn còn thương chị H, anh T không đồng ý ly hôn chị H, anh T yêu cầu được đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị H để lo cho các con.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung tên N - sinh ngày: 06/02/2013 và V - sinh ngày: 29/11/2015 (*hiện 02 con chung đang sống với chị H*). Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý để cho chị H được quyền nuôi con chung tên Trần T Việt, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên N, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh T là cháu Trần T Nam trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao 02 cháu N - sinh ngày: 06/02/2013 và V - sinh ngày: 29/11/2015 (*hiện 02 con chung đang sống với chị H*) cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng; do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị H và anh T cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung; Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2013 tại UBND xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện, gây gổ thậm chí là đánh chị H; cuộc sống vợ chồng không có sự thắm yêu, tin tưởng, quan tâm, lo lắng cho nhau; vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống và công việc. Về kinh tế, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị H tự lo, anh T chỉ biết ăn nhậu với bạn bè, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Ngoài ra, anh T còn nghi ngờ ghen tuông, cho rằng chị H có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát nhau, làm cho tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Chị H, anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho các con nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh T.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Tại phiên tòa, chị H xác định nếu Tòa án không cho chị H ly hôn anh T thì chị H cũng không trở về chung sống với anh T. Về phía anh T không đồng ý ly hôn chị H nhưng anh T không chịu lo làm ăn mà suốt ngày rượu chè, bản thân anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên N - sinh ngày: 06/02/2013 và V - sinh ngày: 29/11/2015 (*hiện 02 con chung đang sống với chị H*). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

- Về phía anh T cũng đồng ý để cho chị H được quyền nuôi con chung tên Trần T Việt, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Trần T Nam, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Hội đồng xét xử xét thấy: Cả Chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn thì cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Xét thấy: Từ khi sinh ra, cả 02 cháu N và V đều sống chung với chị H và anh T. Từ tháng 6/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh T về nhà cha mẹ ruột sống, hai cháu N và V vẫn sống chung với chị H. Hiện các cháu đang có cuộc sống ổn định với chị H, có sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cháu N hiện đang học lớp 1, trường Tiểu học Tân Long ở Phường 3, TP Sa Đéc; riêng cháu V được chị H trông nom, chăm sóc tại nhà. Bản thân chị H đi làm cá cơm mỗi ngày thu nhập ổn định khoảng 80.000 đồng, ngoài ra Dì của chị H ở nước ngoài cũng gửi tiền về tiếp chị H lo cho các cháu. Anh T hiện nay đi làm hồ, thu nhập khoảng 300.000 đồng/ngày nhưng không ổn định. Hơn nữa, 02 cháu N và V còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ; đồng thời cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị H.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 02 cháu N và V, nhằm giữ sự ổn định về tâm sinh lý cho 02 cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu N và V cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh T được quyền tới lui thăm nom con

chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị H và anh T cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Cho chị H ly hôn anh T.

2. Về nuôi con chung: Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên N- sinh ngày: 06/02/2013 và V - sinh ngày: 29/11/2015 (*hiện 02 con chung đang sống với chị H*). Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

- Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày

11/6/2020 theo biên lai thu số 0001141 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ tiền án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Phú Đông, TP Sa Đéc, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Minh Trí